

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Tel: 0257. 3899176 Fax: 0257. 3823466



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

TP.Tuy Hòa, tháng 01-2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Tel: 0257. 3899176 Fax: 0257. 3823466



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2018

TP.Tuy Hòa, tháng 01-2019



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 24



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Thảo trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Thuận Thảo được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vận Tài & Thương Mại Thuận Thảo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400123162 ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 13 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 01 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 83.020.000.000 VND lên 93.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 02 năm 2010.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31 tháng 3 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 93.020.000.000 VND lên 290.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 5 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 9 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 12 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 290.020.000.000 VND lên 435.030.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18 tháng 7 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi về thông tin chi nhánh và thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 8 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi người đại diện trước pháp luật và bổ sung văn phòng đại diện.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 02 tháng 11 năm 2011 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 09 tháng 12 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 18 tháng 01 năm 2012 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 06 tháng 02 năm 2013 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 23 tháng 09 năm 2013 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.

• **Vốn điều lệ** : **435.030.000.000 VND**

• **Danh sách cổ đông sáng lập:**

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Loại CP</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị CP VND</u>
- Bà Võ Thị Thanh	Phổ thông	10.062.000	100.620.000.000
- Ông Võ Hoàng Chương	Phổ thông	580.000	5.800.000.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Võ Việt Cường	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Trương Trọng Cử	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Phổ thông	290.000	2.900.000.000

PHỤ YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cộng

11.802.000

118.020.000.000

• **Trụ sở chính:**

Địa chỉ : Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại : (84-0257) 3824229

Fax : (84-0257) 3823466

Mã số thuế : 4 4 0 0 1 2 3 1 6 2

Email: info@thuanthao.vn

Website: <http://www.thuanthao.vn>

• **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên).**

Địa chỉ: 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

• **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại TP.Quy Nhơn.**

Địa chỉ: Khu vực 5, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

• **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo Khách sạn Cendeluxe.**

Địa chỉ: Số 2 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

• **Hoạt động chính của Công ty:**

- Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.
- Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.
- Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Bán buôn động vật nuôi. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát (chỉ được hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép và chấp thuận địa điểm).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.
- Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.
- Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

05
01
01
01
01

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch hội đồng Quản trị
- Ông Võ Hoàng Chương	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Như	Thành viên
- Ông Trần Quốc Hiến	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Hữu Ân	Trưởng ban
- Ông Dương Ngọc Trát	Thành viên
- Bà Lương Thị Ngọc Thúy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Võ Thị Thanh	Tổng Giám đốc
- Ông Võ Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 24).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



VÕ THỊ THANH – Tổng Giám đốc

Thành phố Tuy Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2019



9
T
H
T
H

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kê toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.847.112.877	50.591.255.053
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		126.861.186	89.663.758
1. Tiền	111	VI.1	126.861.186	89.663.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.002.017.089	47.570.354.971
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	VI.2	3.668.316.389	6.315.789.089
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.3	1.087.346.384	3.510.393.137
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.4	400.000.000.000	400.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5	58.878.854.316	91.376.672.745
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	VI.6	(453.632.500.000)	(453.632.500.000)
IV. Hàng tồn kho	140		2.563.185.681	2.547.626.559
1. Hàng tồn kho	141	VI.7	2.563.185.681	2.547.626.559
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		155.048.921	383.609.765
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	155.048.921	383.609.765
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		734.320.771.629	772.220.288.782
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		271.000.000	271.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	VI.5	271.000.000	271.000.000
II. Tài sản cố định	220		707.363.899.341	732.064.482.044
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	707.363.899.341	732.064.482.044
<i>Nguyên giá</i>	222		937.068.259.793	939.725.496.646
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(229.704.360.452)	(207.661.014.602)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.080.730.232	7.401.206.525
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.10	7.080.730.232	7.401.206.525
IV. Tài sản dài hạn khác	260		19.605.142.056	32.483.600.213
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8	19.605.142.056	32.483.600.213
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		747.167.884.506	822.811.543.835

15/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.542.020.861.205	1.456.057.616.100
I. Nợ ngắn hạn	310		1.418.887.574.956	1.319.762.624.477
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.11	20.270.417.972	20.711.843.637
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.12	51.154.003	78.234.003
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.13	125.906.071.761	125.133.881.807
4. Phải trả người lao động	314	VI.14	9.165.251.755	8.919.961.755
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.15	716.515.755.223	610.931.902.010
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.16	1.230.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.17	5.233.337.714	7.289.451.737
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.18	540.196.804.699	546.362.567.699
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		318.781.829	334.781.829
II. Nợ dài hạn	330		123.133.286.249	136.294.991.623
1. Phải trả dài hạn khác	337	VI.17	17.187.643.708	17.233.088.708
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.18	105.945.642.541	119.061.902.915
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(794.852.976.699)	(633.246.072.265)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(794.852.976.699)	(633.246.072.265)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.19	435.030.000.000	435.030.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		435.030.000.000	435.030.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.19	11.807.798.943	11.807.798.943
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.19	(1.241.690.775.642)	(1.080.083.871.208)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(1.080.083.871.208)	(920.135.623.349)
			(161.606.904.434)	(159.948.247.859)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		747.167.884.506	822.811.543.835

Tỉnh Phú Yên, ngày 18 tháng 01 năm 2019



NGUYỄN VĂN NHƯ
Người lập biểu



NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng



VÕ THỊ THANH
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2018	Quý IV/2017	Lũy kế từ đầu năm đến Quý IV/2018	Lũy kế từ đầu năm đến Quý IV/2017
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	1		4.084.741.191	6.218.141.285	30.014.616.732	47.878.642.525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	2.202.797	-	7.993.006
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	VII.1	4.084.741.191	6.215.938.488	30.014.616.732	47.870.649.519
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	2.918.271.179	2.748.179.173	19.739.044.309	30.384.075.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		1.166.470.012	3.467.759.315	10.275.572.423	17.486.573.636
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	(74.968.995)	34.565	428.492.198	602.827.290
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	26.512.171.997	26.664.106.037	105.583.853.213	105.818.974.503
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>26.512.171.997</i>	<i>26.664.106.037</i>	<i>105.583.853.213</i>	<i>105.818.974.503</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	5.294.365.906	5.195.240.803	23.442.203.721	22.115.556.249
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	10.140.065.973	14.326.028.869	40.988.667.747	43.566.211.523
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		-40.855.102.859	(42.717.581.829)	(159.310.660.060)	(153.411.341.349)
11. Thu nhập khác	31	VII.7	271.758.224	174.137.534	5.635.810.446	425.802.376
12. Chi phí khác	32	VII.8	180.331	3.208.746.506	7.932.054.820	6.962.708.886
13. Lợi nhuận khác	40		271.577.893	(3.034.608.972)	(2.296.244.374)	(6.536.906.510)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-40.583.524.966	(45.752.190.801)	(161.606.904.434)	(159.948.247.859)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>(40.583.524.966)</u>	<u>(45.752.190.801)</u>	<u>(161.606.904.434)</u>	<u>(159.948.247.859)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>(933)</u>	<u>(1.052)</u>	<u>(3.715)</u>	<u>(3.677)</u>

C.P.

Tỉnh Phú Yên, ngày 18 tháng 01 năm 2019



NGUYỄN VĂN NHƯ
Người lập biểu



NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng



NGÔ THỊ THANH
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(161.606.904.434)	(159.948.247.859)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		35.214.952.761	35.937.977.521
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.518.015.113)	(2.827.290)
- Chi phí lãi vay	06		105.583.853.213	105.818.974.503
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</i>	08		(22.326.113.573)	(18.194.123.125)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		37.568.337.882	(636.941.713)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.559.122)	234.147.283
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		665.950.892	9.977.053.117
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		774.340.617	349.570.206
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(54.263.070)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(988.535.626)	(19.260.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(16.000.000)	(22.145.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>15.662.421.070</u>	<u>(8.365.962.302)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.367.303.115)	(695.026.450)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.020.610.649	-
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.492.198	2.827.290
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>3.656.799.732</u>	<u>(692.199.160)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ				
- sở hữu	31		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		29.818.786.000	25.407.892.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(49.100.809.374)	(16.365.700.532)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(19.282.023.374)</u>	<u>9.042.191.468</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		<u>37.197.428</u>	<u>(15.969.994)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		89.663.758	105.633.752
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70		<u><u>126.861.186</u></u>	<u><u>89.663.758</u></u>


 NGUYỄN VĂN NHƯ
 Người lập biểu


 NGUYỄN VĂN NHƯ
 Kế toán trưởng


 VÔ THỊ THANH
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty cổ phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, thương mại, du lịch.
- **Ngành nghề kinh doanh** :

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.

Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.

Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.

Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.

Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Bán buôn động vật nuôi. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát (chỉ được hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép và chấp thuận địa điểm).

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đầu giá bất động sản.

Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.

Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

11/03/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
- Tiền mặt tại quỹ	1.407.317	2.475.804
- Tiền gửi ngân hàng	125.453.869	87.187.954
Cộng	126.861.186	89.663.758

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
- Công ty TNHH C H C	-	2.442.861.302
- Công ty TNHH VT & TM An Thiên Phúc	3.037.972.933	3.037.972.933
- Các khách hàng khác	630.343.456	834.954.854
Cộng	3.668.316.389	6.315.789.089

01
01
01
01
01

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Công ty TNHH CHC	-	2.445.599.513
- Các khách hàng khác	1.087.346.384	1.064.793.624
Cộng	<u>1.087.346.384</u>	<u>3.510.393.137</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Cho vay Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn	400.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	<u>400.000.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Phải thu ngắn hạn khác	<u>58.878.854.316</u>	<u>91.376.672.745</u>
- Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1 - Resort	798.956.000	798.956.000
- Chi phí đền bù đất	3.517.955.553	3.517.955.553
- Công ty TNHH CHC	-	32.865.606.559
- Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn	53.632.500.000	53.632.500.000
- Tạm ứng	529.591.155	189.166.509
- Các khoản khác	399.851.608	372.488.124
Phải thu dài hạn khác	<u>271.000.000</u>	<u>271.000.000</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	271.000.000	271.000.000
Cộng	<u>59.149.854.316</u>	<u>91.647.672.745</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính : VND	
	<u>31/12/2018</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>
Cho Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay	400.000.000.000	(400.000.000.000)
Phải thu lãi cho Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay	53.632.500.000	(53.632.500.000)
Cộng	<u>453.632.500.000</u>	<u>(453.632.500.000)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên vật liệu	905.185.971	-	1.088.261.368	-
Công cụ dụng cụ	154.512.323	-	183.778.138	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	145.590.939	-	82.004.939	-
Hàng hóa	1.357.896.448	-	1.193.582.114	-
Cộng	<u>2.563.185.681</u>	<u>-</u>	<u>2.547.626.559</u>	<u>-</u>

14
V
P
N

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

8. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	155.048.921	383.609.765
- Chi phí đồ dùng dụng cụ	79.293.604	255.859.166
- Chi phí khác	75.755.317	127.750.599
Chi phí trả trước dài hạn	19.605.142.056	32.483.600.213
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	263.887.892	267.432.804
- Lợi thế thương mại	15.415.847.977	27.748.526.361
- Chi phí đền bù đất	3.546.354.964	3.631.864.386
- Chi phí tái cấu trúc	375.621.678	751.243.361
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.429.545	84.533.301
Cộng	19.760.190.977	32.867.209.978

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2018	894.490.218.144	9.138.337.865	296.829.238	8.707.982.005	27.092.129.394	939.725.496.646
Đầu tư hoàn thành	1.566.006.680	121.772.728	-	-	-	1.687.779.408
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	4.345.016.261	-	-	-	-	4.345.016.261
Tại 31/12/2018	891.711.208.563	9.260.110.593	296.829.238	8.707.982.005	27.092.129.394	937.068.259.793
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2018	170.078.527.530	7.275.144.855	253.463.373	6.947.091.374	23.106.787.470	207.661.014.602
Trích khấu hao	20.100.203.336	495.637.473	21.682.920	767.821.558	1.496.929.090	22.882.274.377
Thanh lý	838.928.527	-	-	-	-	838.928.527
Tại 31/12/2018	189.339.802.339	7.770.782.328	275.146.293	7.714.912.932	24.603.716.560	229.704.360.452
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2018	724.411.690.614	1.863.193.010	43.365.865	1.760.890.631	3.985.341.924	732.064.482.044
Tại 31/12/2018	702.371.406.224	1.489.328.265	21.682.945	993.069.073	2.488.412.834	707.363.899.341

Phần lớn tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.080.730.232	7.401.206.525
Cộng	7.080.730.232	7.401.206.525

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Công ty TNHH VT & TM An Thiên Phúc	10.356.315.618	11.700.021.008
- Các đối tượng khác	9.914.102.354	9.011.822.629
Cộng	20.270.417.972	20.711.843.637

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Khách hàng trả trước tiền mua hàng	51.154.003	78.234.003
Cộng	<u>51.154.003</u>	<u>78.234.003</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2017</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>31/12/2018</u>
- Thuế GTGT	59.738.289.910	1.076.329.294	1.745.537.287	59.069.081.917
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	66.305.514	1	66.305.515	-
- Thuế TNDN	5.901.619.467	-	988.535.626	4.913.083.841
- Thuế thu nhập cá nhân	280.890.755	15.823.522	295.026.349	1.687.928
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất, phí đất phi nông nghiệp	1.147.550.289	1.240.655.025	2.388.205.314	-
- Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
- Thuế khác	57.999.225.872	4.196.009.568	273.017.365	61.922.218.075
Cộng	<u>125.133.881.807</u>	<u>6.536.817.410</u>	<u>5.764.627.456</u>	<u>125.906.071.761</u>

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất : 10 %

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.12)

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

14. Phải trả người lao động

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Phải trả người lao động	9.165.251.755	8.919.961.755
Cộng	<u>9.165.251.755</u>	<u>8.919.961.755</u>

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Chi phí lãi vay ngân hàng	716.515.755.223	610.931.902.010
Cộng	<u>716.515.755.223</u>	<u>610.931.902.010</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.230.000.000	-
Cộng	<u>1.230.000.000</u>	<u>-</u>

17. Phải trả khác

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Phải trả ngắn hạn khác	<u>5.233.337.714</u>	<u>7.289.451.737</u>
- Kinh phí công đoàn	560.187.000	560.187.000
- Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, Y tế	753.556.384	334.961.191
- Phải trả tiền làm đường Độc Lập	1.476.130.565	1.476.130.565
- Công ty TNHH VT & TM An Thiên Phúc	-	3.245.723.612
- Phải trả cổ tức	657.780.000	657.780.000
- Các khoản khác	1.785.683.765	1.014.669.369
Phải trả dài hạn khác	<u>17.187.643.708</u>	<u>17.233.088.708</u>
- Bà Võ Thị Thanh	12.025.136.708	12.025.136.708
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	1.279.905.000	1.279.905.000
- Ông Võ Hoàng Chương	701.270.000	701.270.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	330.600.000	330.600.000
- Ông Võ Việt Cường	330.550.000	330.550.000
- Ông Trương Trọng Cử	330.550.000	330.550.000
- Ông Võ Văn Thuận	638.023.000	638.023.000
- Tiền gửi của nhân viên	1.304.109.000	1.306.554.000
- Ký quỹ khách hàng	247.500.000	290.500.000
Cộng	<u>22.420.981.422</u>	<u>24.522.540.445</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính

	<u>Tại ngày 31/12/2017</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Tại ngày 31/12/2018</u>
I) Vay và nợ ngắn hạn	546.362.567.699	-	6.165.763.000	540.196.804.699
Vay ngắn hạn	91.964.833.192	-	6.165.763.000	85.799.070.192
- BIDV Phú Tài	81.236.002.226	-	-	81.236.002.226
- Vietinbank Phú Yên	10.728.830.966	-	6.165.763.000	4.563.067.966
- Vay cá nhân	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	454.397.734.507	-	-	454.397.734.507
- BIDV Phú Tài	454.397.734.507	-	-	454.397.734.507
II) Vay và nợ dài hạn	119.061.902.915	29.818.786.000	42.935.046.374	105.945.642.541
- BIDV Phú Tài	89.200.000.000	-	-	89.200.000.000
- Vay của cá nhân	29.861.902.915	29.818.786.000	42.935.046.374	16.745.642.541
Cộng	<u>665.424.470.614</u>	<u>29.818.786.000</u>	<u>42.935.046.374</u>	<u>646.142.447.240</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

19. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	435.030.000.000	11.807.798.943	(920.135.623.349)	(473.297.824.406)
Lỗ trong năm trước	-	-	(159.948.247.859)	(159.948.247.859)
Trích các quỹ	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	435.030.000.000	11.807.798.943	(1.080.083.871.208)	(633.246.072.265)
Số dư đầu năm nay	435.030.000.000	11.807.798.943	(1.080.083.871.208)	(633.246.072.265)
Lỗ trong kỳ này	-	-	(161.606.904.434)	(161.606.904.434)
Số dư cuối kỳ này	435.030.000.000	11.807.798.943	(1.241.690.775.642)	(794.852.976.699)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31/12/2018	%	Ngày 01/01/2018	%
Vốn góp của Nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	43.503.000.000	100	43.503.000.000	100
Cộng	43.503.000.000	100	43.503.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	43.503.000.000	43.503.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	43.503.000.000	43.503.000.000

d. Cổ phiếu

	Ngày 31/12/2018	Ngày 01/01/2018
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.503.000	43.503.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

1/01/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.084.741.191	6.218.141.285
- Khoản giảm trừ doanh thu	-	2.202.797
Doanh thu thuần	<u>4.084.741.191</u>	<u>6.215.938.488</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.918.271.179	4.520.670.768
Cộng	<u>2.918.271.179</u>	<u>4.520.670.768</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Lãi tiền gửi	31.005	34.565
Lãi được chia	(75.000.000)	-
Cộng	<u>(74.968.995)</u>	<u>34.565</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Chi phí trả lãi vay	26.512.171.997	26.664.106.037
Cộng	<u>26.512.171.997</u>	<u>26.664.106.037</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	395.662.000	98.939.000
- Chi phí công cụ dụng cụ, bao bì	448.107.111	188.418.212
- Chi phí khấu hao	3.711.296.697	3.789.696.443
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	666.534.739	721.091.328
- Chi phí khác bằng tiền	72.765.359	397.095.820
Cộng	<u>5.294.365.906</u>	<u>5.195.240.803</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.237.446.000	5.176.661.404
- Chi phí công cụ dụng cụ và đồ dùng	333.771.344	318.509.880
- Khấu hao TSCĐ	2.027.358.289	2.140.950.603

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

- Lợi thế thương mại	3.083.169.597	3.083.169.597
- Thuế phí, lệ phí	250.316.254	705.002.425
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	641.495.678	84.151.754
- Chi phí khác bằng tiền	566.508.811	1.016.308.361
Cộng	10.140.065.973	12.524.754.024

7. Thu nhập khác

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
- Các khoản khác	271.756.298	174.137.534
Cộng	271.756.298	174.137.534

8. Chi phí khác

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	-	2.461.565.309
- Các khoản khác	180.331	127.850.318
Cộng	180.331	2.589.415.627

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	(40.583.524.966)	(45.104.076.672)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
- Thu nhập chịu thuế	(40.583.524.966)	(45.104.076.672)
- Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của các bên liên quan với Công ty phát sinh trong Quý 4/2018 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số tiền</u>
Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch hội đồng quản trị - Cổ đông sáng lập	Vay tiền	7.536.976.000
		Trả tiền vay	(749.765.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 công nợ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số tiền</u>
Phải trả			
Bà Võ Thị Thanh	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, lương, thù lao	(16.674.812.708)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

		Phải trả tiền vay	(16.745.642.541)
Ông Võ Hoàng Chương	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, lương, thù lao	(746.789.000)
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức,	(330.600.000)
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, lương, thù lao	(3.133.023.000)
Ông Võ Việt Cường	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	(330.550.000)
Ông Trương Trọng Cử	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	(330.550.000)
Ông Võ Văn Thuận	Cổ đông sáng lập	Phải trả cổ tức, lương, thù lao	(1.914.549.000)
Phải thu			
Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bà Võ Thị Thanh là Chủ tịch HĐQT	Nợ tiền lãi vay	53.632.500.000
		Nợ tiền vay	400.000.000.000

Tiền lương và thù lao của các thành viên quản lý Công ty trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Võ Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc	Lương + Thù lao	229.656.000
Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng GD	Lương + Thù lao	67.125.000
Võ Hoàng Chương	Phó Tổng GD	Lương + Thù lao	62.211.000
Võ Văn Thuận	Cố vấn	Lương	43.296.000
Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng	Lương + Thù lao	29.100.000
Nguyễn Hữu Ân	Trưởng BKS	Lương + Thù lao	2.400.000
			7.500.000
Lương Thị Ngọc Thúy	Thành viên BKS	Lương + Thù lao	2.400.000
Trần Quốc Hiến	Thành viên BKS	Thù lao	229.656.000
Dương Ngọc Trát	Thành viên BKS	Thù lao	67.125.000

2. Thông tin về bộ phận

	Kinh doanh khách sạn	Kinh doanh dịch vụ, thương mại	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.699.727.027	1.385.014.164	4.084.741.191
Doanh thu tài chính	8.972	(74.977.967)	(74.968.995)
Thu nhập khác	2.273.603	269.484.621	271.758.224
Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.702.009.602	1.579.520.818	4.281.530.420
Giá vốn hàng bán	2.172.376.375	745.894.804	2.918.271.179
Chi phí bán hàng	881.163	5.293.484.743	5.294.365.906
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.344.316.894	6.795.749.079	10.140.065.973
Chi phí tài chính	-	26.512.171.997	26.512.171.997
Chi phí khác	177.072	3.259	180.331
Tổng chi phí	5.517.751.504	39.347.303.882	44.865.055.386
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(2.815.741.902)	(37.767.783.064)	(40.583.524.966)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 đã được soát xét; Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/07/2017 đến 30/09/2017; Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 được hồi tố theo kết quả của Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 đã được soát xét; Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/07/2018 đến 30/09/2018.

Tỉnh Phú Yên, ngày 18 tháng 01 năm 2019



NGUYỄN VĂN NHƯ

Người lập biểu



NGUYỄN VĂN NHƯ

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THANH

Tổng Giám đốc

